

Số: 132/MTĐT

V/v Công bố tài liệu Đại hội Cổ đông thường
niên năm 2018

Phan Thiết, ngày 20 tháng 06 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
BÌNH THUẬN**

**Tên viết tắt: BINH THUAN ENVIRONMENTAL URBAN SERVICE JOINT
STOCK COMPANY**

Mã chứng khoán: BMD

Địa chỉ trụ sở chính: 578 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh
Bình Thuận.

Điện thoại: 0252 3819572, 0252 3818361

Fax: 0252 3819572

Website: moitruongdothibinhthuan.vn

Người CBTT: Trần Mạnh

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Bất thường Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

- Tài liệu Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng
khoán nhà nước vào ngày 20/06/2018 tại đường dẫn: congbothongtin.ssc.gov.vn, Sở
Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 20/06/2018 tại đường dẫn: <https://hnx.vn> và
Trang thông tin điện của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận
vào ngày 20/06/2018 tại đường dẫn: <http://moitruongdothibinhthuan.vn/index.php/c-dong>.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Người Thực hiện Công bố thông tin
Chủ tịch Hội đồng quản trị**



Trần Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

—o0o—



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Bình Thuận, năm 2018

THÔNG BÁO
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Căn cứ Điều 25 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Căn cứ công văn số 143/CV-ĐKKD ngày 25/4/2018 của phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1. Nội dung:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
- Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017.
- Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Báo cáo tóm tắt dự thảo Điều lệ sửa đổi.
- Báo cáo tóm tắt dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Miễn nhiệm và Bầu cử thành viên Ban kiểm soát.

2. Thời gian: 01 buổi, bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2018.

3. Địa điểm: tại Hội trường Công ty Cổ phần môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận; Địa chỉ: số 578 đường Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TK.



Số: 04/TM-HĐQT

Bình Thuận, ngày 19 tháng 6 năm 2018

THƯ MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

I. Thời gian: 01 buổi, vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2018.

II. Địa điểm: tại Hội trường Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận. Địa chỉ: số 578 đường Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận).

III. Nội dung chính của Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017.

- Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.

- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

- Báo cáo tóm tắt dự thảo Điều lệ sửa đổi.

- Báo cáo tóm tắt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Miễn nhiệm và Bầu cử thành viên Ban kiểm soát.

IV. Thủ tục tham dự Đại hội:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo giấy tờ sau đây:

1. Thư mời họp.

2. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

3. Giấy ủy quyền dự họp (nếu tham dự Đại hội theo ủy quyền).

V. Tài liệu phục vụ Đại hội:

1. Mẫu: Đăng ký dự họp và giấy ủy quyền.

2. Chương trình họp.

3. Các báo cáo (nội dung chính của Đại hội)

Quý cổ đông xem tài liệu tại Website: www.moitruongdothibinhthuan.vn
(truy cập mục Quan hệ cổ đông).

VI. Đăng ký dự họp:

Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông đăng ký dự họp trước ngày 28/6/2017, qua điện thoại: 0252. 3819572. Khi cần thiết liên hệ: ông Trần Võ Trung Nhân, số điện thoại 0933.544.379.

Hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông!

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Mạnh



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

1. Đón tiếp và phát tài liệu.
2. Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông.
3. Chào cờ.
4. Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu.
5. Thông qua Quy chế làm việc và lấy biểu quyết của Đại hội.
6. Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu.
7. Phát biểu khai mạc.
8. Thông qua chương trình làm việc và lấy biểu quyết của Đại hội.
9. Thông qua các báo cáo và tờ trình:
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.
 - Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017.
 - Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.
 - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
 - Báo cáo tóm tắt dự thảo Điều lệ sửa đổi.
 - Báo cáo tóm tắt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.
10. Đại hội thảo luận các nội dung tại mục 9 và biểu quyết thông qua.
11. Đại hội giải lao.
12. Miễn nhiệm, đề cử thành viên Ban kiểm soát.
13. Bầu cử thành viên Ban kiểm soát.
14. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội, biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.
15. Phát biểu bế mạc.
16. Chào cờ./.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ.....
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN



SỐ TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày và nơi cấp	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Ký xác nhận
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
05		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
06		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
07		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
08		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
09		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
13		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
Tổng					



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bình Thuận, ngày ... tháng 6 năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

Bên ủy quyền:

Cổ đông:

CMND/Giấy ĐKKD số:..... Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:, cổ phần của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Ông (Bà):

CMND số:..... Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Lưu ý:

1. Cổ đông vui lòng phân hồi việc đăng ký tham dự hoặc ủy quyền đăng ký tham dự đến Ban tổ chức Đại hội trước ngày 28/6/2018 để Ban tổ chức chuẩn bị cho công tác tổ chức Đại hội.
2. Trong trường hợp cổ đông thực hiện việc ủy quyền tham dự Đại hội, cổ đông chỉ được hủy bỏ việc ủy quyền đã thực hiện bằng cách gửi văn bản đến Ban tổ chức Đại hội trước ngày 28/6/2018 (tính đến thời điểm Ban tổ chức Đại hội nhận được văn bản). Ban tổ chức Đại hội sẽ không xem xét mọi trường hợp hủy bỏ việc ủy quyền sau thời điểm nêu trên.
3. Địa điểm tiếp nhận thông tin: Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận - Số 578 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.



Mã số cổ đông : ĐTBТ
Họ và tên :

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ
BÌNH THUẬN**

THẺ BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết:

..... **Cổ phần**

Bình Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2018

Số: 10 /BC-MTĐT

Bình Thuận, ngày 19 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ kinh doanh năm 2018

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. Những thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Là Công ty Cổ phần có vốn nhà nước chiếm 52,97% trên tổng vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực công ích, Công ty được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND Tỉnh, UBND thành phố và các phòng chức năng trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty phát triển và mở rộng dịch vụ, sản xuất kinh doanh tại địa phương.

- Thành phố Phan Thiết là trung tâm kinh tế, chính trị, du lịch của tỉnh Bình Thuận là một địa phương quan trọng và có tiềm lực phát triển sâu rộng về kinh tế, chính trị, xã hội. Việc đáp ứng nhu cầu của tiềm năng phát triển đó đòi hỏi sự phát triển cân bằng tổng thể các lĩnh vực của Tỉnh. Qua đó các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận nói chung và Công ty nói riêng có cơ hội để phát triển từ sự đầu tư của Tỉnh nhà và các nhà đầu tư ngoài tỉnh.

- Nằm ở địa bàn trung tâm của Tỉnh, là một lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp Dịch vụ công ích trong vùng, địa phương. Là nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.

- Sản phẩm của Công ty là sản phẩm không thể thay thế và hiện chưa có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn Thành phố.

- Công ty có kinh nghiệm nhiều năm và là đơn vị đã hoạt động lâu dài tại địa phương, Công ty đảm bảo nguồn cung đầu vào và nguồn cầu đầu ra cho dịch vụ công ích ổn định.

- Trong năm Công ty được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam cho vay ưu đãi (đợt 1) đầu tư 03 xe chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất ưu đãi ổn định trong vòng 4 năm là 2,6%/năm.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hiện nay đang gặp khó khăn khi Hoạt động cung cấp Dịch vụ công ích không còn là độc quyền đối với Công ty, Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn cả nước.

- Giá cả nguyên vật liệu không ổn định sự biến động thị trường đẩy chi phí đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu. Việc giá xăng dầu có xu hướng tăng trong trong thời gian qua kéo theo chi phí đầu vào của Công ty tăng. Định mức, đơn giá đặt hàng của Công ty trong khi các Sở ngành xây dựng định mức quá thấp, một số khoản chi phí định mức chưa hợp lý (đặc biệt trên lĩnh vực công viên cây xanh) đã ảnh hưởng đến tình hình điều hành hoạt động của Doanh nghiệp.

- Tình hình đô thị hóa ở thành phố Phan Thiết vẫn trong giai đoạn phát triển nên lượng rác trong dân còn rất lớn, ảnh hưởng đến công tác thu gom vận chuyển. Bên cạnh đó, một số người dân vẫn có xu hướng tự đem rác ra đổ ở những nơi công cộng, ý thức của một bộ phận nhỏ trong nhân dân còn hạn chế trong việc giữ gìn vệ sinh công cộng và bảo vệ các công trình hạ tầng đô thị.

- Các phương tiện chuyên dùng như xe vận tải, xe ép rác, thuyền vớt rác ... vừa thiếu, vừa xuống cấp do đầu tư đã lâu, trong những tháng đầu năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong khâu thu gom, vận chuyển rác thải.

- UBND Thành phố cấp tạm ứng kinh phí hoạt động hàng tháng chưa đầy đủ và kịp thời; công tác thanh quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích và các hoạt động dịch vụ khác với UBND Thành phố Phan Thiết còn triển khai quá chậm, ảnh hưởng đến công tác quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần (đến thời điểm đầu tháng 4/2018 UBND Thành phố đã quyết toán xong các hoạt động dịch vụ công ích, Công ty đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để UBND Tỉnh có ý kiến trước khi thực hiện bàn giao vốn), kéo theo sự chậm trễ trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

II. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Báo cáo kết quả kinh doanh :

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016(*)	Năm 2017	% tăng/ giảm
1	Doanh thu thuần	73.865	73.493	-0,50%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.160	2.988	-28,17%
3	Lợi nhuận khác	-151	1	-
4	Lợi nhuận trước thuế	4.009	2.989	-25,44%
5	Lợi nhuận sau thuế	3.172	2.358	-25,66%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Công ty thực hiện doanh thu dịch vụ công ích chủ yếu cho UBND Thành phố Phan Thiết chiếm tỷ lệ 97,71% tương ứng với số tiền 71.809 triệu đồng, trong đó có một số hoạt động chiếm tỷ trọng lớn như:

- Công tác thu gom vận chuyển rác sinh hoạt, sản lượng thực hiện trong năm 113.983 tấn tương ứng số tiền 25.426 triệu đồng;

- Công tác vệ sinh quét rác đường phố và khu dân cư, sản lượng thực hiện trong năm đạt 237 triệu m², tương ứng số tiền 10.416 triệu đồng;

- Công tác chăm sóc công viên cây xanh doanh thu đạt 10.586 triệu đồng;

- Công tác sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị chiếu sáng công lộ và tín hiệu giao thông doanh thu đạt 7.172 triệu đồng;

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch :

Stt	Diễn giải	Đvt	KH Năm 2017	TH Năm 2017	So sánh TH năm 2017/KH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.535,39	73.911,45	100,5
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.485,39	73.818,59	100,5
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	50,00	92,85	185,7
3	Tổng chi phí	"	70.643,69	70.922,45	100,4
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.204,69	70.830,90	100,9
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	439,00	91,55	20,9
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.891,70	2.989,00	103,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	3.280,70	2.987,69	91,1
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	-389,00	1,31	-0,3
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	10,50	10,86	103,4
6	Thuế TNDN	Tr.đồng	578,34	630,51	109,0
7	Thuế phát sinh phải nộp NSNN		5.511,15	4.060,67	73,7
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.313,36	2.358,49	102,0
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	8,40	8,57	102,0
10	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	578,79	623,92	107,8
10.1	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)/P sau thuế	Tr.đồng	115,67	117,92	102,0
10.2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	"	463,13	455,00	98,2
10.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách /P sau thuế	"	50,00	51,00	102,0
11	Chia cổ tức	"	1.734,57	1.734,57	100,0
12	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,30	6,30	100,0
13	Tổng số lao động trực tiếp	Người	420,00	416,00	99,0
14	Tổng số lao động quản lý	Người	6,00	5,00	83,3
15	Tổng quỹ lương người lao động	Tr.đồng	32.719,74	33.488,37	102,3
16	Tổng quỹ lương + Thù lao người quản lý	Tr.đồng	1.798,54	1.904,56	105,9
17	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (lương + ăn ca+ khác)	Tr.đồng	6,79	6,25	92,1

a/ Về kết quả kinh doanh

- Doanh thu: Doanh thu đạt **73.911,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,5% tăng 0,5 % so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu hoạt động khác đạt 92,85 triệu đồng đạt 185,7% tăng 85,7% với so với kế hoạch năm.

- Chi phí: Chi phí là **70.922,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,4% tăng 0,4% so với kế hoạch năm.

- Về lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế **2.989** triệu đồng đạt 103,4 % tăng 3,4% so với kế hoạch năm, trong đó hoạt động kinh doanh 2.987,69 triệu đồng đạt 91,1%, lợi nhuận từ các hoạt động khác lãi 1,31 triệu đồng.

b/ Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được trích lập các Quỹ và chia cổ tức:

- Trích lập các Quỹ 623,92 triệu đồng, trong đó Quỹ đầu tư phát triển 117,92 triệu đồng, quỹ Khen thưởng 273 triệu đồng; quỹ phúc lợi 182 triệu đồng; Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách và không chuyên trách 51,00 triệu đồng.

- Chia cổ tức: Công ty thực hiện chi trả cổ tức với mức 6,3%/cổ phiếu/12 tháng tương ứng số tiền 1.734,57 triệu đồng đạt 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Đánh giá hoạt động của Công ty qua các chỉ tiêu tài chính :

a. Tình hình tài sản

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	78.305	85.354	9,00%	85,18%	85,69%
Tài sản dài hạn	13.622	14.249	4,60%	14,82%	14,31%
Tổng tài sản	91.927	99.603	8,35%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản Công ty tăng 8,35% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 9,00%, tài sản dài hạn tăng 4,60%. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản không có sự thay đổi đáng kể, chủ yếu là tài sản dài hạn, với tỷ trọng chiếm khoảng 85%. Cơ cấu tài sản ngắn hạn: chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu là hai khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn và tiền và tương đương tiền. Trong đó, Khoản tăng của các khoản phải thu chủ yếu đến từ UBND Thành phố Phan Thiết. Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty chỉ bao gồm 2 khoản mục là tài sản cố định và tài sản dài hạn khác.

Việc tài sản dài hạn tăng 4,60% trong năm chủ yếu do Công ty đã thực hiện đầu tư, mua sắm thêm các phương tiện vận tải chuyên dùng, nhằm tăng năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh và thay thế các phương tiện đã quá cũ, thường xuyên hư hỏng, gần hết hạn lưu hành.

b. Tình hình các khoản phải thu ngắn hạn

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
UBND Thành phố Phan Thiết	32.796	41.130	25,41%	48,80%	58,80%
Các chủ đầu tư và các đối tượng khác	8.030	4.586	-42,89%	11,95%	6,56%
Các đội xây lắp và nhân viên Công ty	26.376	24.232	-8,13%	39,25%	34,64%
Tổng nợ phải thu ngắn hạn	67.202	69.948	4,09%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải thu ngắn hạn là 69.948 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản phải thu của UBND thành phố Phan Thiết, đây là khoản phải thu của khách hàng do UBND thành phố Phan Thiết đặt hàng Dịch vụ đô thị công ích hàng năm với Công ty nhưng chưa được thanh quyết toán dứt điểm từ năm 2013 đến nay và là một trong những khách hàng có số nợ cao nhất chiếm tỷ trọng 58,8% trên tổng số nợ phải thu ngắn hạn năm 2017 và bằng 41.130 triệu đồng, khoản nợ chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong nợ phải thu ngắn hạn là các khoản tạm ứng cho các đội xây lắp và nhân viên thực hiện thi công các công trình xây dựng cơ bản 24.232 triệu đồng, chiếm 34,64% trên tổng số nợ phải thu ngắn hạn. Trong năm Công ty đã thành lập tổ thu hồi công nợ do đó khoản nợ này có giảm 8,13% so với năm 2016 tương ứng số tiền 4.144 triệu đồng. Ngoài ra, còn các khoản phải thu các chủ đầu tư và các đối tượng khác là 4.586 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 6,59% đối với khoản nợ này công ty đang tích cực triển khai công tác thu hồi công nợ để đảm bảo hoàn thành KH thu nợ giai đoạn 2017 -2020.

c. Tình hình nợ phải trả

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	62.813	69.633	10,86%	100,00%	96,21%
Nợ dài hạn	0	2.740		0,00%	3,79%
Tổng nợ phải trả	62.813	72.373	15,22%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm tăng 15,22%, giá trị từ 62.813 triệu đồng tăng lên 73.373 triệu đồng. Trong đó, đóng góp chủ yếu vào mức tăng là khoản nợ ngắn hạn phải trả người lao động, cũng như các khoản vay ngắn hạn. Quỹ tiền lương của Công ty được quyết toán theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn trong năm là khoản vay từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường nhằm đầu tư mua xe chuyên dùng phục vụ SXKD.

d. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016(*)	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,23	1,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,33%	69,91%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	215,75%	232,34%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	74,24	64,6
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,81	0,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,29%	3,21%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,89%	7,98%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,46%	2,46%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,63%	4,07%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Qua số liệu trên cho thấy hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2017 đạt mức 7,98%, điều này khẳng định doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông.

III. Công tác tổ chức điều hành hoạt động SXKD:

1. Công tác tổ chức hoạt động SXKD

- Trong năm Công ty đã triển khai dự án đầu tư mua sắm 04 xe chuyên dùng mang lại hiệu quả đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển rác thải, duy tu hệ thống chiếu sáng đô thị, xử lý cây xanh trên địa bàn Thành phố Phan Thiết theo hợp đồng dịch vụ công ích với chủ đầu tư; xây dựng và mở rộng nhà để xe theo như phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua, duy tu sửa chữa phương tiện thường xuyên kịp thời, nâng cao tính năng sử dụng của các phương tiện đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Công ty từng bước hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp thích ứng với môi trường phát triển hoạt động mới, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng

cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, tập trung phát triển doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, nghiên cứu áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tích cực đối chiếu và thu hồi công nợ. Công tác thu hồi nợ đạt 203,5% tương ứng với số tiền 8,6 tỷ đồng (vượt 103,5% so với kế hoạch năm). Công ty làm việc với các cấp, ngành và UBND Thành phố Phan Thiết để được cấp kinh phí duy trì hoạt động SXKD, cân đối về tài chính để thanh toán nhiên liệu, chi trả lương, thưởng và các chế độ cho người lao động, đóng BHXH, thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn, nộp thuế và các khoản chi phí khác.

Nhìn chung kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt hiệu quả, Công ty đã phần đầu đạt tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận trước và sau thuế hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra. Đây là thành quả của sự phấn đấu liên tục, xuyên suốt trong năm 2017 của toàn thể Ban lãnh đạo, nhân viên và người lao động của Công ty.

2. Về cơ cấu tổ chức và ổn định việc làm cho người lao động

- Ban điều hành Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, bố trí nhân sự cơ bản phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, nhu cầu công việc và tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Ổn định việc làm cho người lao động, đảm bảo đời sống và chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty; Thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho người lao động đúng quy chế lương thưởng của Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo trả lương cho người lao động trước ngày 10 hàng tháng, chính sách tiền lương, tiền thưởng tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động, yên tâm công tác. Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng bộ máy quản lý ngày càng chuyên nghiệp, ngang tầm với từng bước phát triển của Công ty. Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực phát triển của Doanh nghiệp.

3. Về quyết toán sản lượng dịch vụ với chủ đầu tư

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích đô thị với UBND Thành phố Phan Thiết, với sự quyết tâm cao năm 2017 là năm đầu tiên Công ty được UBND Thành phố quyết toán sản lượng DVCI trước tháng 6/2018 góp phần phục vụ tốt cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đảm bảo chi trả cổ tức đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Về việc thanh toán tiền lương, thù lao và tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của người lao động trong năm 2017.

- Tiền lương, tiền thưởng của bộ phận quản lý chuyên trách:

- + Tổng số người quản lý: 05 người
- + Tổng quỹ tiền lương: 1.362.912.000 đồng
- + Tổng tiền thưởng: 24.765.000 đồng
- + Thu nhập bình quân: 23.128.000 đồng/ tháng

- Tiền lương, tiền thưởng bộ phận quản lý không chuyên trách:

+ Tổng số người quản lý: 06 người

+ Tổng quỹ thù lao Hội đồng quản trị: 172.800.000 đồng

+ Tổng quỹ thù lao ban kiểm soát: 48.000.000 đồng

+ Tổng quỹ tiền thưởng: 6.000.000 đồng

+ Thu nhập bình quân: 3.150.000 đồng/ tháng

- Tiền lương, thu nhập khác của người lao động:

+ Tổng số lao động có mặt 31/12/2017: 401 người

+ Tổng quỹ tiền lương: 23.639.700.000 đồng

+ Tổng thu nhập khác: 6.452.300.000 đồng

+ Thu nhập bình quân: 6.254.000 đồng/ tháng

5. Đánh giá công tác báo cáo và công bố thông tin của Công ty

Công tác lập, gửi báo cáo, công bố thông tin (theo quy định của Công ty đại chúng) được công ty triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, phù hợp với quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán.

IV. Những tồn tại trong triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD

1. Những tồn tại

- Trong năm Công ty đã thành lập tổ thu hồi công nợ để triển khai xử lý các khoản nợ tồn đọng từ các công trình xây dựng cơ bản do các đội xây lắp ứng thi công đến nay chưa được các chủ đầu tư quyết toán. Mặc dù đã cố gắng tích cực thực hiện thu hồi nợ vượt kế hoạch đề ra nhưng chưa xử lý dứt điểm số công nợ của các Đội xây lắp và các cá nhân đã thi công công trình, ngoài ra số nợ dịch vụ công ích do UBND Thành phố Phan Thiết từ năm 2014 đến nay cũng chiếm tỷ trọng lớn nhưng Công ty vẫn chưa thu hồi được;

- Chậm công tác quyết toán nội bộ của một số công trình XDCCB để xử lý chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản trích trước giá vốn các công trình, đồng thời giám khoản tạm ứng cho các Đội xây lắp.

- Chưa thường xuyên phân tích các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó xác định các khoản chi phí tăng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của từng lĩnh vực để có tham mưu đề xuất với Hội đồng quản trị hướng xử lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Tình hình Quyết toán quỹ tiền lương cho người lao động và người quản lý hàng năm còn triển khai chậm, Công ty chưa được UBND Tỉnh có ý kiến về quỹ tiền lương thực hiện, mặt khác việc quyết toán quỹ tiền lương phụ thuộc hoàn toàn vào quyết toán sản lượng DVCI với UBND Thành phố Phan Thiết do đó từ khi thành lập đến nay Công ty chưa thanh toán dứt điểm quỹ tiền lương được duyệt cho người lao động;

- Do công nợ phải thu của UBND Thành phố hàng năm không thanh toán dứt điểm kéo theo các khoản nợ phải trả cho người lao động lương, thưởng và của các đối tượng khác cũng chưa được thanh toán dứt điểm.

2. Biện pháp khắc phục

- Phối hợp với các Sở ngành, UBND Thành phố và các đơn vị quan đầ y nhanh quyết toán dịch vụ công ích hàng năm. Đồng thời đối chiếu công nợ đề nghị UBND Thành phố sớm thanh toán dứt điểm số nợ còn tồn đọng.

- Làm việc với các Sở ngành tỉnh về quyết toán quỹ tiền lương để lấy ý kiến thống nhất của UBND Tỉnh cơ sở để trình Hội đồng quản trị ban hành quyết định phê duyệt quỹ lương theo thẩm quyền.

- Đôn đốc Tổ thu hồi công nợ để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ theo kế hoạch, đồng thời xử lý các khoản trích trước theo quy định về chế độ kế toán hiện hành.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2018

I. Mục tiêu kinh doanh năm 2018

- Theo kế hoạch sản lượng dịch vụ công ích năm 2018 của UBND Thành phố Phan Thiết và hợp đồng đã ký kết với Công ty thi việc thu gom rác thải trên địa bàn Thành phố Phan Thiết trong năm 2018 Công ty vẫn tập kết về Bãi rác Bình Tú và thực hiện xử lý rác theo quy trình chôn lấp rác. Việc vận chuyển rác về nhà máy xử lý rác của Thành Phố đến nay chưa được UBND Tỉnh và các Sở Ngành chỉ đạo thực hiện;

- Với sự quyết tâm cao của tập thể người lao động, Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị, Công ty tập trung xây dựng chiến lược phát triển SXKD năm 2018 bằng các giải pháp thiết thực mở rộng và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ công ích bảo đảm đạt doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách theo kế hoạch đã xây dựng.

II. Chỉ tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

I/ Một số chỉ tiêu về tài chính

Stt	Diễn giải	Đvt	TH Năm 2017	KH Năm 2018	So sánh KH năm 2018/TH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.911,45	70.819,50	95,8
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.818,59	70.779,50	95,9
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	92,85	40,00	43,1
3	Tổng chi phí	"	70.922,45	67.819,50	95,6
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.830,90	67.783,50	95,7
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	91,55	36,00	39,3
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.989,00	3.000,00	100,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	2.987,69	2.996,00	100,3
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	1,31	4,00	306,3
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	10,86	10,90	100,4
6	Thuế TNDN	Tr.đồng	630,51	608,64	96,5

* Các giải pháp thực hiện sẽ được trình bày chi tiết tại Báo cáo kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.

2/ Một số chỉ tiêu về sản lượng dịch vụ công ích

Stt	Tên công tác	Đvt	Khối lượng hợp đồng năm 2018
1	Quét đường	m ² /năm	236.668.474
2	Thu gom rác đường :	Tấn	113.983
3	Thu gom rác hộ dân cự ly 5m/2 hộ	km	23.186
4	Công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải sinh hoạt công suất bãi <= 500 tấn/ngày	Tấn	91.426
5	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị		
5.1	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp h<10m	bộ	2.100
5.2	Duy trì chóa đèn cao áp, kính đèn cao áp 10<h<12m	bộ	2.310
6	Tín hiệu giao thông		
6.1	Quản lý chốt tín hiệu giao thông	chốt	40
7	Vườn hoa công viên		
7.1	Chăm sóc, duy trì thảm cỏ	m ² /ngày	112.042
-	Chăm sóc, duy trì thảm cỏ lá gừng:	m ² /ngày	104.821
-	Chăm sóc, duy trì thảm cỏ nhung:	m ² /ngày	7.221
7.2	Chăm sóc, duy trì bồn hoa:	m ² /ngày	21.393
7.3	Chăm sóc, duy trì cây cảnh dưới đất:	cây/ngày	4.710
7.4	Chăm sóc, duy trì cây cảnh trong chậu:	cây/ngày	1.770
7.5	Chăm sóc, duy trì cây hàng rào, đường viên:	m ² /ngày	17.076
8	Duy trì cây bóng mát	Cây	9.179
8.1	Duy trì cây bóng mát mới trồng	Cây	1.303
8.2	Duy trì cây bóng mát loại 1	Cây	4.263
8.3	Duy trì cây bóng mát loại 2	Cây	3.296
8.4	Duy trì cây bóng mát loại 3	Cây	317

Công ty triển khai công tác dịch vụ công ích để đảm bảo các chỉ tiêu đạt từ 90% trở lên so với KH đề ra, trên cơ sở các giải pháp thực hiện kế hoạch tài chính năm 2018.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Ban Giám đốc Công ty, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông tham dự họp;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty ;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT.

T/M BAN ĐIỀU HÀNH
GIÁM ĐỐC



Mai Hữu Việt

Số: 01/TTTr-HĐQT

Bình Thuận, ngày 19 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán

Kính gửi: Cổ đông Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 24/4/2018 về thống nhất mức chia cổ tức năm 2017 để trình UBND Tỉnh có ý kiến đề người đại diện vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.

- Báo cáo tài chính năm 2017 được đính kèm Tài liệu đại hội; thay mặt Hội đồng quản trị được trình bày tóm tắt 02 bảng báo cáo sau:

+ Bảng cân đối kế toán;

+ Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2017 được đăng tải tại trang Website Công ty theo địa chỉ:

"moitruongdothibinhthuan.vn/index.php/quanhecodong"

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- BGD Cty;
- Lưu : VT.



Trần Mạnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.354.375.543	76.305.001.050
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.392.573.745	10.293.356.082
1. Tiền	111		10.340.096.840	7.068.355.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.052.476.905	3.225.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.947.812.297	67.201.686.387
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		44.948.559.286	39.441.812.393
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		384.000	370.135.640
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		24.997.869.009	27.389.737.354
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1.013.989.503	811.617.989
1. Hàng tồn kho	141		1.013.989.503	811.617.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			8.330.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			8.330.597
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.249.050.125	13.621.743.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		11.737.298.613	8.899.732.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11.737.298.613	8.900.732.282
- Nguyên giá	222		20.774.671.907	22.201.748.879
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.037.373.094)	(13.302.017.597)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.511.751.512	4.722.011.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.511.751.512	4.722.011.199
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		99.603.425.670	91.926.744.536
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.533.086.112	62.812.961.593
1. Nợ ngắn hạn	310		66.893.886.112	62.812.961.593
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.472.316.509	1.707.336.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.047.107.305	4.180.906.346
4. Phải trả người lao động	314		27.627.456.902	20.626.592.991

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25,792,054,890	29,746,561,547
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		3,227,649,045	3,610,544,439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		980,000,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,868,461,451	2,941,932,740
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2,740,000,000	
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2,740,000,000	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29,970,339,558	29,113,762,983
I. Vốn chủ sở hữu	410		29,970,339,558	29,113,762,983
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27,532,900,000	27,532,900,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27,532,900,000	27,532,900,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
1. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		79,349,162	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,368,490,396	1,600,952,983

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,358,490,366	1,590,982,903
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		99,803,425,670	91,826,744,536

Lập, Ngày 14 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thanh Phương

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thị Thanh Thủy

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Mai Hữu Việt

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		73,492,810,953	48,952,675,758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)	10		73,492,810,953	48,952,675,758
4. Giá vốn hàng bán	11		58,967,296,990	39,408,327,703
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 - 10 - 11)	20		14,525,513,955	9,544,348,056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		325,782,547	101,466,180
7. Chi phí tài chính	22		95,633,434	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,665,834	
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11,787,968,771	7,475,991,015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 - 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		2,987,694,297	2,159,833,220
11. Thu nhập khác	31		92,853,722	37,751,869
12. Chi phí khác	32		91,548,019	187,585,058
13. Lợi nhuận khác (40 - 31 - 32)	40		1,305,703	(149,833,220)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 - 30 + 40)	50		2,989,000,000	2,020,000,000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		630,506,604	439,017,017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 - 50 - 51 - 52)	60		2,358,493,396	1,580,982,983
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		857	429
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		857	429

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thanh Phương

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thị Thanh Thủy

Ngày 14 tháng 06 năm 2018

Giám đốc



(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mai Hữu Việt

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện quản lý, xây dựng chương trình công tác và chỉ đạo, giám sát điều hành hoạt động của Ban giám đốc Công ty với những kết quả đạt được như sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Các hoạt động chính của HĐQT năm 2017

- HĐQT Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD để trình ĐHCĐ thường niên năm 2017, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chức năng nhiệm vụ, thường xuyên kiểm tra thực tế, chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở các cuộc họp thường kỳ, HĐQT chỉ đạo nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty đồng thời chỉ đạo Ban giám đốc tổ chức thực hiện theo đúng Nghị quyết đại hội thường niên 2017 đã đề ra, theo đó Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và các Quyết định để thực thi công việc. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành trên cơ sở thảo luận, đồng thuận biểu quyết theo số đông của Thành viên HĐQT.

2. Công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị trên các lĩnh vực:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện 07 cuộc họp, ban hành 05 Nghị quyết và 15 quyết định. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp, Chủ tịch HĐQT và Giám đốc luôn thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến các thành viên HĐQT. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo đúng quy chế quản trị doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty, các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, các thành viên HĐQT đều có mặt tại các cuộc họp với tỷ lệ 100%.

- Thông qua các buổi họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như:

+ Về Nghị quyết : Bao gồm các nội dung thông qua phương án mở rộng nhà để xe; phương án thuê xe bồn vận chuyển nước tưới cây xanh gói thầu số 3 dự án

đuy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp; Ủy quyền Giám đốc ký hợp đồng vay vốn tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam; Thông qua trích lập quỹ dự phòng tiền lương không vượt quá tỷ lệ 17% quỹ tiền lương của người lao động; Bổ nhiệm thêm 01 chức danh Phó giám đốc Công ty; Chủ trương nghiên cứu từng bước sáp nhập một số đội.

+ Về Quyết định: sửa đổi một số nội dung của quy chế quản lý tài chính; hệ thống thang bảng lương phụ cấp lương; Quy chế làm việc của Ban Giám đốc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế đề bạt, bổ nhiệm, điều động luân chuyển người quản lý, người lao động.

- Hoạt động giám sát Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc. Trên cơ sở đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát kịp thời đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định HĐQT theo tiến độ triển khai thực hiện, Ban Giám đốc báo cáo kết quả triển khai theo từng nội dung thực hiện cho HĐQT để theo dõi; giám sát cụ thể về tình hình thực hiện hoạt động dịch vụ công ích, kế hoạch đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định và sửa chữa tài sản cố định và việc thực hiện các định mức đầu tư, kinh tế kỹ thuật, lao động, tiền lương...

- Xây dựng kế hoạch và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Kế hoạch tài chính Công ty đã xây dựng Bước đầu thực hiện việc đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	18/02/2017	Thông qua 05 nội dung: 1. Phương án mở rộng nhà để xe; 2. Đầu tư trạm trung chuyển ép rác tại Phan Thiết; 3. Thành lập tiểu ban phát triển đầu tư sản xuất kinh doanh trực thuộc HĐQT; 4. Phân phối lợi nhuận 8 tháng năm 2016; 5. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt Kiểm toán Báo cáo tài chính 2016 cho Công ty.
2	Số 02/NQ-HĐQT	31/5/2017	- Thống nhất phương án thuê xe bồn vận chuyển nước tưới cây xanh gói thầu số 3 dự án đuy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp - Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ

			đồng vào ngày 30/6/2017.
3	Số 03/NQ-ĐHĐCĐ	30/6/2017	<p>Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 8 tháng năm 2016; 2. Tờ trình thông qua BCTC kiểm toán năm 2016; 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị; 4. Báo cáo của Ban Kiểm soát; 5. Báo cáo KH SXKH năm 2017; 6. Tờ trình mức chia cổ tức năm 2016; 7. Tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2017; 8. Sau khi UBND Thành phố quyết toán sản lượng DVCI và dịch vụ khác 8 tháng năm 2016 nếu có sự chênh lệch về kết quả kinh doanh; ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xử lý phân phối lợi nhuận đảm bảo lợi ích CĐ và Công ty .
4	Số 04/NQ-HĐQT	27/7/2017	<p>Thông nhất ủy quyền cho ông Mai Hữu Việt Giám đốc Công ty CP Môi trường và DVĐT Bình Thuận ký kết toàn bộ các hồ sơ liên quan để thực hiện vay vốn tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.</p>
5	Số 05/NQ-HĐQT	29/12/2017	<p>Thông qua 04 nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều chỉnh khoản 2, điều 1 của Nghị quyết Số 01/NQ-HĐQT . 2. Trích lập quỹ dự phòng tiền lương theo tỷ lệ không vượt quá 17% quỹ tiền lương của người lao động; 3. Bổ nhiệm thêm 01 chức danh Phó giám đốc Công ty; 4. Chủ trương sáp nhập một số đội để làm cơ sở xây dựng điều lệ và quy chế quản trị Công ty.
6	Số 01/QĐ-HĐQT	18/01/2017	- Quyết định sửa đổi một số điều của quy chế quản lý tài chính Công ty.
7	Số 02/QĐ-HĐQT	23/2/2017	- Quyết định Ban hành hệ thống thang bảng lương phụ cấp lương của Công ty.
8	Số 03/QĐ-HĐQT	17/2/2017	- Quy chế làm việc của Ban Giám đốc Công ty.
9	Số 05/QĐ-HĐQT	14/2/2017	- Phê duyệt KH sử dụng lao động, kế hoạch tiền lương 8 tháng cuối năm 2016 của BDH tại Công ty.
10	Số 06/QĐ-HĐQT	24/2/2017	- Thành lập tiểu ban đầu tư SXKD trực thuộc HĐQT.
11	Số 07/QĐ-HĐQT	24/2/2017	- Thành lập tổ công tác giúp việc tiểu ban đầu tư SXKD trực thuộc HĐQT.

12	Số 08/QĐ-HĐQT	28/4/2017	- Quyết định sửa đổi một số điều của quy chế chi tiêu nội bộ Công ty.
13	Số 09/QĐ-HĐQT	16/6/2017	- Quyết định sửa đổi bổ sung thêm khoản 7, điều 9, trong quy chế chi tiêu nội bộ Công ty.
14	Số 10/QĐ-HĐQT	10/8/2017	- Phê duyệt phương án lắp mái che bảo vệ phương tiện chuyên dùng.
15	Số 11/QĐ-HĐQT	05/9/2017	- Thành lập BTC hợp mặt giao lưu các đơn vị BQL CTCC trên đại bản tính.
16	Số 12/QĐ-HĐQT	19/9/2017	- Lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2017.
17	Số 13/QĐ-HĐQT	27/11/2017	- Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động của Công ty CP MTĐT Bình Thuận.
18	Số 14/QĐ-HĐQT	19/12/2017	- Thành lập tổ giúp việc HĐQT soạn thảo Điều lệ và Quy chế Quản trị DN.
19	Số 15/QĐ-HĐQT	22/12/2017	- Thành lập HĐThi đua khen thưởng.
20	Số 16/QĐ-HĐQT	26/12/2017	- Ban hành Quy chế đề bạt, bổ nhiệm, điều động luân chuyển người quản lý, người lao động tại Công ty.

3. Kết quả đầu tư và thực hiện các dự án

- Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty trúng thầu và thực hiện dự án gói thầu số 3 dự án duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp với tổng giá trị là 16,8 tỷ đồng, thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 03 năm kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2019 sẽ kết thúc dự án. Qua thực hiện gói thầu Công ty được chủ đầu tư đánh giá về chất lượng dịch vụ đạt yêu cầu và nghiệm thu, thanh toán đầy đủ kinh phí hàng năm.

- Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dụng phục vụ hoạt động SXKD (giai đoạn 2016-2021) công ty đã đầu tư thêm 04 phương tiện chuyên dùng đảm bảo phục vụ SXKD.

+ Đầu tư mới 01 xe nâng người làm việc trên cao và 03 xe vận chuyển rác thải có trọng tải từ 7 tấn đến 11 tấn với tổng giá trị là 07 tỷ đồng từ nguồn vốn khấu hao hàng năm và vốn vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam với số tiền 3,7 tỷ đồng, lãi suất ưu đãi ổn định trong vòng 4 năm là 2,6%/năm.

+ Việc bổ sung phương tiện và sửa chữa kịp thời các phương tiện vận chuyển hiện có đã đảm bảo công tác thu gom vận chuyển lượng rác trên địa bàn thành phố Phan Thiết về bãi Bình Tú theo đúng hợp đồng ký kết với UBND thành phố Phan Thiết.

- Công ty thực hiện mở rộng nhà để xe theo như phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua, toàn bộ phương tiện được tập trung bảo quản, tu sửa thường xuyên, bảo quản tốt các phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá công tác điều hành của Ban Giám đốc

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát công tác điều hành Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Ban Giám đốc đã quán triệt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, xây dựng các giải pháp cụ thể tổ chức triển khai thực hiện và đã ký kết hợp đồng dịch vụ công ích năm 2018 triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

+ Quyết toán công trình và những nội dung công việc trong các năm 2014 – 2016 để xác định giá trị phần vốn nhà nước trong giai đoạn chuyển tiếp, trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện bàn giao vốn nhà nước cho công ty cổ phần.

+ Đối chiếu công nợ với UBND thành phố và tổ chức thu hồi công nợ theo kết luận của Kiểm toán nhà nước;

- Chủ động lập các Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2017 để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và thực hiện công bố thông tin đúng theo thời gian quy định.

5. Kết quả thực hiện giá trị chỉ tiêu tài chính năm 2017

Stt	Diễn giải	Đvt	KH Năm 2017	TH Năm 2017	So sánh TH năm 2017/KH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.535,39	73.911,45	100,5
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.485,39	73.818,59	100,5
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	50,00	92,85	185,7
3	Tổng chi phí	"	70.643,69	70.922,45	100,4
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.204,69	70.830,90	100,9
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	439,00	91,55	20,9
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.891,70	2.989,00	103,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	3.280,70	2.987,69	91,1
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	-389,00	1,31	-0,3
11	Chia cổ tức	"	1.734,57	1.734,57	100,0
12	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,30	6,30	100,0

a/ Về kết quả kinh doanh

- Doanh thu: Doanh thu năm 2017 đạt **73.911,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,5% tăng 0,5 % so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu hoạt động khác đạt 92,85 triệu đồng đạt 185,7% tăng 85,7% với so với kế hoạch năm.

- Chi phí: Chi phí năm 2017 là **70.922,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,4% tăng 0,4% so với kế hoạch năm.

- Về lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế 2.989 triệu đồng đạt 103,4 % tăng 3,4% so với kế hoạch năm, trong đó hoạt động kinh doanh 2.987,69 triệu đồng đạt 91,1%, lợi nhuận từ các hoạt động khác lãi 1,31 triệu đồng.

b/ Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được trích lập các Quỹ và chia cổ tức:

- Trích lập các Quỹ 623,92 triệu đồng, trong đó Quỹ đầu tư phát triển 117,92 triệu đồng, quỹ Khen thưởng 273 triệu đồng; quỹ phúc lợi 182 triệu đồng; Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách và không chuyên trách 51,00 triệu đồng.

- Chia cổ tức: Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 với mức 6,3%/cổ phiếu/12 tháng tương ứng số tiền 1.734,57 triệu đồng đạt 100% theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra.

Qua kết quả thực hiện năm 2017. Hội đồng quản trị đã điều hành các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch so với Nghị quyết đại hội thường niên 2017.

6. Thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT và việc công bố thông tin

- Các nội dung và quy chế quản trị luôn đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động Công ty, với tiêu chí mục tiêu vì lợi ích Công ty, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trong năm Công ty đã phát huy và sử dụng nguồn lực kinh tế và hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

- Công ty đã triển khai thực hiện công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử.

- Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những nội dung khác.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với tinh thần trách nhiệm được giao, HĐQT Công ty trong năm 2017 đã có nhiều nỗ lực, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tổ chức lãnh đạo, giám sát, quản lý, điều hành thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đề ra (doanh thu, cổ tức, nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước), thu nhập người lao động được giữ vững, vốn Nhà nước được bảo tồn và có lãi tạo sự ổn định và phát triển Công ty vào những năm đến. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được HĐQT vẫn còn những mặt tồn tại thiếu sót đó là:

- Công tác chỉ đạo thực hiện bàn giao vốn, tài sản sang Công ty cổ phần, xử lý giải quyết nợ tồn đọng giai đoạn trước đây vẫn còn kéo dài.

- Các phương án, dự án, công tác tuyên dụng bổ sung cũng cố bộ máy tổ chức ở một số chức danh và công tác Quyết toán quỹ tiền lương triển khai còn chậm.

- Công tác khảo sát, nghiên cứu nắm bắt tình hình mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, thực hiện các dịch vụ tăng doanh thu ngoài công ích còn nhiều hạn chế.

- Trách nhiệm một số thành viên HĐQT từng lúc từng nơi chưa được phát huy đầy đủ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Năm 2018 là năm doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn về vốn, phương tiện vận chuyển và các thiết bị chuyên dùng khác phục vụ cho hoạt động SXKD. Tuy nhiên, để duy trì và ổn định các lĩnh vực hoạt động, HĐQT tập trung xây dựng kế hoạch phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn lợi ích Công ty với lợi ích người lao động, cổ đông và lợi ích Nhà nước, HĐQT tập trung lãnh đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị trên cơ sở Điều lệ của Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP, các quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND Thành phố đẩy nhanh Quyết toán tài chính trong giai đoạn 4 tháng đầu năm 2016 để xác định phần vốn nhà nước tăng, giảm trong giai đoạn chuyển tiếp, trình UBND Tỉnh phê duyệt làm cơ sở bàn giao vốn nhà nước sang Công ty cổ phần, hoàn thành việc phê duyệt quyết toán tiền lương (04 tháng đầu năm 2016; 8 tháng cuối năm 2016 và năm 2017).

- Tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo, giám sát chặt chẽ sự điều hành của Ban Giám đốc Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, củng cố và tăng cường tổ chức bộ máy tổ chức, bổ sung một số chức danh còn thiếu (Phó Giám đốc, Thư ký, cán bộ pháp chế...), đổi mới phương thức quản lý điều hành, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích, tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác để tăng doanh thu hoạt động dịch vụ ngoài công ích, xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả các mặt bằng Công ty đang quản lý.

- Phần đầu đạt tổng doanh thu, lợi nhuận và thực hiện mức chi trả cổ tức, nộp ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra;

- Tăng cường công tác dự báo xây dựng kế hoạch phát triển SXKD, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả.

- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình phát triển của doanh nghiệp, tập trung củng cố năng lực của đơn vị, tăng cường mối quan hệ trong và ngoài địa phương, nghiên cứu xây dựng các phương án hồ sơ đảm bảo tham gia dự thầu các gói thầu công ích khi Tỉnh có chủ trương.

- Chỉ đạo Tiểu ban đầu tư phát triển xây dựng kế hoạch thực hiện dự án vườn ươm.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty, xây dựng phương án khoán nhân công trên lĩnh vực công viên cây xanh và một số lĩnh vực khác.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo hội họp định kỳ theo quy định đã đề ra.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, phấn đấu xây dựng Công ty ngày càng phát triển xứng tầm với các doanh nghiệp cùng ngành trên cả nước.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c)
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty ;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Cổ đông tham dự họp;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh

Số: 02/BC-BKS

Bình Thuận, ngày 18 tháng 6 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường
và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và
Dịch vụ đô thị Bình Thuận;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty
Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận đã được Đại hội đồng cổ đông
thông qua ngày 30/6/2017;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch
vụ đô thị Bình Thuận đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán
AAC.

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, kết quả hoạt
động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động
của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận như
sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Về số lượng và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận
gồm 03 thành viên:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Giác | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Gia Phước Toại | Thành viên |
| - Ông Nhâm Anh Tuấn | Thành viên |

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để
nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra
các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và
quyền hạn của mình.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCD, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Giám sát thủ tục đầu tư mua sắm tài sản của Doanh nghiệp, thủ tục về thực hiện quy trình bán thanh lý tài sản đối với một số tài sản đã hết khấu hao sử dụng không mang lại hiệu quả.;

- Giám sát quá trình vay vốn đầu tư tài sản của doanh nghiệp;

- Kiểm tra, giám sát công tác lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

- Ngày 01/03/2017: Ban kiểm soát họp triển khai kế hoạch công tác năm 2017 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban kiểm soát; Kiểm tra báo cáo tài chính 8 tháng năm 2016; Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

- Ngày 28/07/2017: Ban kiểm soát họp triển khai kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017; kiểm tra báo cáo 6 tháng đầu năm 2017; Kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD Công ty trong công tác quản lý điều hành phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ngày 05/10/2017: Ban kiểm soát họp thống nhất kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện định mức vật tư, mua sắm hàng hóa, biện pháp tiết kiệm chi phí; Xem xét tiến độ thực hiện các phương án đầu tư của Công ty.

- Ngày 30/12/2017: Ban kiểm soát họp đánh giá kết quả hoạt động thực hiện trong năm 2017, đánh giá những ưu điểm và một số tồn tại trong công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong năm 2017, qua đó xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 07 cuộc họp định kỳ, phù hợp với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã ban hành 05 Nghị quyết, 15 Quyết định. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết và Quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

+ Đối với Nghị quyết: Thông qua phương án mở rộng nhà để xe; phương án thuê xe bồn vận chuyển nước tưới cây xanh gói thầu số 3 dự án duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp; Thống nhất ủy quyền cho Giám đốc Công ty CP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận ký kết toàn bộ các hồ sơ liên quan để thực hiện vay vốn tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam; Thông qua trích lập quỹ dự phòng tiền lương theo tỷ lệ không vượt quá 17% quỹ tiền lương của người lao động; Thống nhất chủ trương Bổ nhiệm thêm 01 chức danh Phó giám đốc Công ty; Chủ trương sáp nhập một số đội để làm cơ sở xây dựng điều lệ và quy chế quản trị Công ty.

+ Đối với Quyết định: Ban hành sửa đổi một số điều của quy chế quản lý tài chính; hệ thống thang bảng lương phụ cấp lương; Quy chế làm việc của Ban Giám đốc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế đề bạt, bổ nhiệm, điều động luân chuyển người quản lý, người lao động ...

- Trong quá trình hoạt động, Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. HĐQT, Ban Giám đốc đã tổ chức các cuộc họp ban hành các Nghị quyết, các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHCĐ thông qua.

- HĐQT Công ty luôn bám sát các hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Trong năm 2017, HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, đảm bảo lợi ích của Công ty và của Cổ đông; thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017. Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các quyết định của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. HĐQT và Ban giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ; tích cực phối hợp chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm ứng phó với những biến động của thị trường trong năm 2017;

nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

- HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cung cấp thông tin đầy đủ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Các cuộc họp HĐQT và Ban giám đốc, Ban kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty.

Ban kiểm soát thông báo kịp thời những kết quả kiểm tra, giám sát về hoạt động của Công ty và đưa ra những kiến nghị cần thiết đến HĐQT, Ban Giám đốc Công ty. Báo cáo của Ban Kiểm soát được thông qua ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đã phối hợp với Kiểm toán độc lập, thực hiện công tác kiểm soát đảm bảo minh bạch, trung thực và đưa ra kiến nghị giúp HĐQT và Ban Giám đốc thực hiện công tác quản lý hiệu quả, hạn chế rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Qua thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2017, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

1.1 Các chỉ tiêu chủ yếu:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016(*)	Năm 2017	% tăng/ giảm
1	Doanh thu thuần	73.865	73.493	-0,50%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.160	2.988	-28,17%
3	Lợi nhuận khác	-151	1	-
4	Lợi nhuận trước thuế	4.009	2.989	-25,44%
5	Lợi nhuận sau thuế	3.172	2.358	-25,66%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Trong năm 2017 công ty thực hiện doanh thu dịch vụ công ích chủ yếu cho UBND Thành phố Phan Thiết chiếm tỷ lệ 97,71% tương ứng với số tiền 71.809 triệu đồng, trong đó có một số hoạt động chiếm tỷ trọng lớn như:

- Công tác thu gom vận chuyển rác sinh hoạt, sản lượng thực hiện trong năm 113.983 tấn tương ứng số tiền 25.426 triệu đồng;

- Công tác vệ sinh quét rác đường phố và khu dân cư, sản lượng thực hiện trong năm đạt 237 triệu m², tương ứng số tiền 10.416 triệu đồng;

- Công tác chăm sóc công viên cây xanh doanh thu đạt 10.586 triệu đồng;

- Công tác sửa chữa, thay thế vật tư thiết bị chiếu sáng công lộ và tín hiệu giao thông doanh thu đạt 7.172 triệu đồng;

1.2 Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.

Stt	Diễn giải	Dvt	KH Năm 2017	TH Năm 2017	So sánh TH năm 2017/KH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.535,39	73.911,45	100,5
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.485,39	73.818,59	100,5
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	50,00	92,85	185,7
3	Tổng chi phí	"	70.643,69	70.922,45	100,4

3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.204,69	70.830,90	100,9
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	439,00	91,55	20,9
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.891,70	2.989,00	103,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	3.280,70	2.987,69	91,1
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	-389,00	1,31	-0,3
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	10,50	10,86	103,4
6	Thuế TNDN	Tr.đồng	578,34	630,51	109,0
7	Thuế phát sinh phải nộp NSNN		5.511,15	4.060,67	73,7
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.313,36	2.358,49	102,0
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	8,40	8,57	102,0
10	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	578,79	623,92	107,8
10.1	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)/P sau thuế	Tr.đồng	115,67	117,92	102,0
10.2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	"	463,13	455,00	98,2
10.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách /P sau thuế	"	50,00	51,00	102,0
11	Chia cổ tức	"	1.734,57	1.734,57	100,0
12	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,30	6,30	100,0
13	Tổng số lao động trực tiếp	Người	420,00	416,00	99,0
14	Tổng số lao động quản lý	Người	6,00	5,00	83,3
15	Tổng quỹ lương người lao động	Tr.đồng	32.719,74	33.488,37	102,3
16	Tổng quỹ lương + Thù lao người quản lý	Tr.đồng	1.798,54	1.904,56	105,9
17	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (lương + ăn ca+ khác)	Tr.đồng	6,79	6,25	92,1

a. Về kết quả kinh doanh

- Doanh thu: Doanh thu năm 2017 đạt **73.911,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,5% tăng 0,5 % so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu hoạt động khác đạt 92,85 triệu đồng đạt 185,7% tăng 85,7% với so với kế hoạch năm.

- Chi phí: Chi phí năm 2017 là **70.922,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,4% tăng 0,4% so với kế hoạch năm.

- Về lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế **2.989** triệu đồng đạt 103,4 % tăng 3,4% so với kế hoạch năm, trong đó hoạt động kinh doanh 2.987,69 triệu đồng đạt 91,1%, lợi nhuận từ các hoạt động khác lãi 1,31 triệu đồng.

b. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được trích lập các Quỹ và chia cổ tức:

- Trích lập các Quỹ 623,92 triệu đồng, trong đó Quỹ đầu tư phát triển 117,92 triệu đồng, quỹ Khen thưởng 273 triệu đồng; quỹ phúc lợi 182 triệu đồng; Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách và không chuyên trách 51,00 triệu đồng.

- Chia cổ tức: Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 với mức 6,3%/cổ phiếu/12 tháng tương ứng số tiền 1.734,57 triệu đồng đạt 100% theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra.

3. Đánh giá hoạt động của Công ty qua các chỉ tiêu tài chính năm 2017

a. Tình hình tài sản

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	78.305	85.354	9,00%	85,18%	85,69%
Tài sản dài hạn	13.622	14.249	4,60%	14,82%	14,31%
Tổng tài sản	91.927	99.603	8,35%	100,00%	100,00%

Năm 2017, tổng tài sản Công ty tăng 8,35% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 9,00%, tài sản dài hạn tăng 4,60%. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản không có sự thay đổi đáng kể, chủ yếu là tài sản dài hạn, với tỷ trọng chiếm khoảng 85%. Cơ cấu tài sản ngắn hạn: chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu là hai khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn và tiền và tương đương tiền. Trong đó, Khoản tăng của các khoản phải thu chủ yếu đến từ UBND Thành phố Phan Thiết. Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty chỉ bao gồm 2 khoản mục là tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Chủ yếu trong năm 2017, việc tài sản dài hạn tăng 4,60% đến từ việc Công ty thực hiện đầu tư, mua sắm thêm các phương tiện vận tải, nhằm tăng năng suất hoạt động kinh doanh và thay thế các phương tiện đã quá cũ, thường xuyên hư hỏng, gần hết hạn lưu hành.

b. Tình hình các khoản phải thu ngắn hạn

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
UBND Thành phố Phan Thiết	32.796	41.130	25,41%	48,80%	58,80%

Các chủ đầu tư và các đối tượng khác	8.030	4.586	-42,89%	11,95%	6,56%
Các đội xây lắp và nhân viên Công ty	26.376	24.232	-8,13%	39,25%	34,64%
Tổng nợ phải thu ngắn hạn	67.202	69.948	4,09%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải thu ngắn hạn năm 2017 là 69.948 triệu đồng, trong đó chủ yếu là khoản phải thu của UBND thành phố Phan Thiết, đây là khoản phải thu của khách hàng do UBND thành phố Phan Thiết đặt hàng Dịch vụ đô thị công ích hàng năm với Công ty nhưng chưa được thanh quyết toán dứt điểm từ năm 2013 đến nay và là một trong những khách hàng có số nợ cao nhất chiếm tỷ trọng 58,8% trên tổng số nợ phải thu ngắn hạn năm 2017 và bằng 41.130 triệu đồng, khoản nợ chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong nợ phải thu ngắn hạn là các khoản tạm ứng cho các đội xây lắp và nhân viên thực hiện thi công các công trình xây dựng cơ bản 24.232 triệu đồng, chiếm 34,64% trên tổng số nợ phải thu ngắn hạn. Trong năm Công ty đã thành lập tổ thu hồi công nợ do đó khoản nợ này có giảm 8,13% so với năm 2016 tương ứng số tiền 4.144 triệu đồng. Ngoài ra, còn các khoản phải thu các chủ đầu tư và các đối tượng khác là 4.586 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 6,59% đối với khoản nợ này công ty đang tích cực triển khai công tác thu hồi công nợ để đảm bảo hoàn thành KH thu nợ giai đoạn 2017 - 2020.

c. Tình hình nợ phải trả

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2017	% tăng giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	62.813	69.633	10,86%	100,00%	96,21%
Nợ dài hạn	0	2.740		0,00%	3,79%
Tổng nợ phải trả	62.813	72.373	15,22%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm tăng 15,22%, giá trị từ 62.813 triệu đồng tăng lên 72.373 triệu đồng. Trong đó, đóng góp chủ yếu vào mức tăng là khoản nợ ngắn hạn phải trả người lao động, cũng như các khoản vay ngắn hạn. Quỹ tiền lương của Công ty được quyết toán theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn trong năm là khoản vay từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường nhằm đầu tư mua xe chuyên dùng phục vụ SXKD.

d. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016(*)	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,23	1,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,33%	69,91%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	215,75%	232,34%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	74,24	64,6
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,81	0,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,29%	3,21%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,89%	7,98%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,46%	2,46%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,63%	4,07%

(*): Số liệu năm 2016 được tổng hợp từ 2 giai đoạn: 01/01/2016 đến 30/04/2016 là Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và 01/05/2016 đến 31/12/2016 là CTCP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận. Số liệu chỉ mang tính chất so sánh tương đối.

Qua số liệu trên cho thấy hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2017 đạt mức 7,98%, điều này khẳng định doanh nghiệp đã bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông.

IV. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng bộ, HĐQT, sự điều hành nhạy bén của Ban Giám đốc và sự nỗ lực của tập thể người lao động đã mang lại thành công trong việc thực hiện hoàn thành Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Trong năm 2017 Ban giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SX kinh doanh mang lại hiệu quả, đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập và các chế độ chính sách được duy trì ổn định, bảo toàn được vốn và tài sản của doanh nghiệp, đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

Tuy nhiên, trong năm 2017 Công ty gặp không ít khó khăn, vướng mắc do chưa được UBND Tỉnh bàn giao vốn, tài sản từ Công ty TNHH MTV cho Công ty Cổ phần, giá trị dịch vụ công ích nhiều năm đến nay chưa được UBND TP Phan Thiết phê duyệt (đến thời điểm tháng 4/2018) do đó các khoản nợ dịch vụ ngày càng tăng cao (do chưa được thanh toán dứt điểm). Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và thực thi các quy định ghi tại Điều lệ, Ban Giám đốc đã chủ động lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2017 để thực hiện kiểm toán BCTC và thực hiện công bố thông tin đúng theo thời gian quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi và sự phối hợp chặt chẽ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cũng như các Phòng, Đội trực thuộc Công ty để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm 2017, Ban kiểm soát chưa phát hiện sự bất thường trong hoạt động của Công ty, chưa nhận được đơn thư khiếu nại và đề xuất của cổ đông, người lao động gửi đến Ban kiểm soát. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã đề ra.

2. Kiến nghị:

Để tiếp tục duy trì và phát triển, hoàn thành tốt các chỉ tiêu 2018, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, BĐH một số nội dung sau:

2.1 Kiến nghị đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đôn đốc, khẩn trương hoàn tất thủ tục cho việc bàn giao vốn, tài sản giữa Công ty TNHH MTV và Công ty cổ phần, Phối hợp với các Sở, ngành, UBND Thành phố đẩy nhanh Quyết toán tài chính trong giai đoạn 4 tháng đầu năm 2016 để xác định phân vốn nhà nước tăng, giảm trong giai đoạn chuyển tiếp, trình UBND Tỉnh phê duyệt làm cơ sở bàn giao vốn nhà nước sang Công ty cổ phần.

- Cùng cố, rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện các quy chế, quy định trong việc quản lý của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban giám đốc trên cơ sở Điều lệ của Công ty theo Nghị định 71/2017/ND-CP, các quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

- Sớm phê duyệt quyết toán tiền lương năm 2017; giai đoạn 04 tháng đầu năm 2016 và 8 tháng cuối năm 2016.

- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát chặt chẽ các dự án và phương án SXKD của doanh nghiệp, đảm bảo các định mức chi phí sản xuất, đáp ứng yêu cầu về vốn, kết quả đầu tư mang lại hiệu quả;

- Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư mở rộng có hiệu quả.

2.2 Kiến nghị đối với Ban Giám đốc

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án có chiến lược đầu tư thích hợp, có hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý và điều hành hiệu quả các dự án đầu tư.

- Cần đẩy mạnh việc thu hồi công nợ, để xử lý các khoản vay ngân hàng, giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, giúp công ty ổn định và có nguồn vốn hoạt động.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; cần có cơ chế khuyến khích tạo động lực cho người lao động đưa ra nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất lao động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng.

- Định kỳ phân tích chi phí sản xuất, phát hiện những hạn chế trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời, xây dựng kế hoạch cải tiến phương thức sản xuất phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, nhất là đối với hoạt động dịch vụ công ích đô thị để nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Tiếp tục rà soát, củng cố nâng cao chất lượng bộ máy quản lý đảm bảo công tác điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy định của pháp luật liên quan đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định và các chương trình Kế hoạch của Hội đồng quản trị chỉ đạo điều hành doanh nghiệp hoạt động.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo các quy chế nội bộ, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty.

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

- Thẩm tra các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2018 trước khi trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thống nhất.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị Quyết Hội Đồng cổ đông năm 2018 thông qua, đồng thời giám sát việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí.

- Giám sát việc lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng và cả năm 2018; kiểm soát thường xuyên đối với các khoản thu chi, thanh toán và các khoản mục chi phí, doanh thu trọng yếu phát sinh trước khi lập báo cáo tài chính;

- Giám sát việc thực thi và soát xét nội dung công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính kịp thời, minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2017 và phương hướng năm 2018 của Ban Kiểm soát Công ty, kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông tham dự họp;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên BKS;
- Lưu VT.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Giác

Số: 02 /TTr -HDQT

Bình Thuận, ngày 19 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017

Kính gửi: Cổ đông Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị về thống nhất mức chia cổ tức năm 2017 để trình UBND Tỉnh có ý kiến đề người đại diện vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua "**Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017**" theo các chỉ tiêu sau:

Stt	Diễn giải	Đvt	KH Năm 2017	TH Năm 2017	So sánh TH năm 2017/KH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.535,39	73.911,45	100,5
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.485,39	73.818,59	100,5
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	50,00	92,85	185,7
3	Tổng chi phí	"	70.643,69	70.922,45	100,4
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.204,69	70.830,90	100,9
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	439,00	91,55	20,9
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.891,70	2.989,00	103,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	3.280,70	2.987,69	91,1
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	-389,00	1,31	-0,3
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	10,50	10,86	103,4
6	Thuế TNDN	Tr.đồng	578,34	630,51	109,0
7	Thuế phát sinh phải nộp NSNN		5.511,15	4.060,67	73,7
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.313,36	2.358,49	102,0
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	8,40	8,57	102,0
10	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	578,79	623,92	107,8

10.1	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)/P sau thuế	Tr.đồng	115,67	117,92	102,0
10.2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	"	463,13	455,00	98,2
10.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách /P sau thuế	"	50,00	51,00	102,0
11	Chia cổ tức	"	1.734,57	1.734,57	100,0
12	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,30	6,30	100,0
13	Tổng số lao động trực tiếp	Người	420,00	416,00	99,0
14	Tổng số lao động quản lý	Người	6,00	5,00	83,3
15	Tổng quỹ lương người lao động	Tr.đồng	32.719,74	33.488,37	102,3
16	Tổng quỹ lương + Thù lao người quản lý	Tr.đồng	1.798,54	1.904,56	105,9
17	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (lương + ăn ca+ khác)	Tr.đồng	6,79	6,25	92,1

a/ Về kết quả kinh doanh

- Doanh thu: Doanh thu năm 2017 đạt **73.911,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,5% tăng 0,5 % so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu hoạt động khác đạt 92,85 triệu đồng đạt 185,7% tăng 85,7% với so với kế hoạch năm.

- Chi phí: Chi phí năm 2017 là **70.922,45** triệu đồng tỷ lệ đạt 100,4% tăng 0,4% so với kế hoạch năm.

- Về lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế **2.989** triệu đồng đạt 103,4 % tăng 3,4% so với kế hoạch năm, trong đó hoạt động kinh doanh 2.987,69 triệu đồng đạt 91,1%, lợi nhuận từ các hoạt động khác lãi 1,31 triệu đồng.

b/ Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được trích lập các Quỹ và chia cổ tức:

- Trích lập các Quỹ 623,92 triệu đồng, trong đó Quỹ đầu tư phát triển 117,92 triệu đồng, quỹ Khen thưởng 273 triệu đồng; quỹ phúc lợi 182 triệu đồng; Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách và không chuyên trách 51,00 triệu đồng.

- Chia cổ tức: Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 với mức 6,3%/cổ phiếu/12 tháng tương ứng số tiền 1.734,57 triệu đồng đạt 100% theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- BGĐ Cty;
- Lưu : VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Mạnh

**BÁO CÁO
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Kính gửi: Cổ đông Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận.

Căn cứ Hợp đồng số 29/HĐKT ngày 07/12/2016 được ký kết giữa Phòng Quản lý Đô thị thành phố Phan Thiết và Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận về gói thầu số 03 Duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp, thuộc dự án Duy tu bảo dưỡng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Phan Thiết, theo đó thời gian thực hiện hợp đồng là 36 tháng tương ứng số tiền hợp đồng là 16.973.538.009 đồng.

Căn cứ Hợp đồng số 01/2018 ngày 30/3/2018 giữa UBND Thành phố và Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận về Hợp đồng dịch vụ đô thị năm 2018. Phụ lục Hợp đồng số 02/2018/PLHĐ ngày 21/5/2018 giữa UBND Thành phố và Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận về điều chỉnh sản lượng, giá trị dịch vụ công ích đô thị năm 2018 trên địa bàn thành phố Phan Thiết.

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua "**Báo cáo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018**" theo các nội dung sau:

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình chung

Bình Thuận được thiên nhiên ưu đãi nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng về phát triển kinh tế Biển, công nghiệp chế biến, khai thác và đặc biệt là Du Lịch. Với 192 km bờ biển đã mang đến cho Bình Thuận một nguồn thu ngân sách từ phát triển du lịch. Song song với đà phát triển đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự nỗ lực của toàn thể công nhân viên chức – lao động cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong ngành Đô thị, Công ty đã quyết tâm xây dựng các chỉ tiêu Kế hoạch về thu gom vận chuyển rác thải trên địa bàn Thành phố Phan Thiết; hoạt động chăm sóc cây xanh, điện chiếu sáng THGT và hoạt động trang trí lễ tết đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ, từng bước tạo thương hiệu khẳng định vị thế doanh nghiệp trên toàn ngành Đô thị trong cả nước.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu về Kế hoạch tài chính năm 2018

Stt	Diễn giải	Đvt	TH Năm 2017	KH Năm 2018	So sánh KH năm 2018/TH năm 2017 (%)
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	27.532,80	100,0
2	Tổng doanh thu	"	73.911,45	70.819,50	95,8
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	73.818,59	70.779,50	95,9
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	92,85	40,00	43,1
3	Tổng chi phí	"	70.922,45	67.819,50	95,6
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	70.830,90	67.783,50	95,7
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	91,55	36,00	39,3
4	Lợi nhuận trước thuế	"	2.989,00	3.000,00	100,4
4.1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	"	2.987,69	2.996,00	100,3
4.2	Lợi nhuận hoạt động khác	"	1,31	4,00	306,3
5	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	10,86	10,90	100,4
6	Thuế TNDN	Tr.đồng	630,51	608,64	96,5
7	Thuế phát sinh phải nộp NSNN		4.060,67	3.637,19	89,6
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.358,49	2.391,36	101,4
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	8,57	8,69	101,4
10	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	623,92	601,73	96,4
10.1	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)P sau thuế	Tr.đồng	117,92	119,57	101,4
10.2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	"	455,00	430,75	94,7
10.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách (2,15%)P sau thuế	"	51,00	51,41	100,8
11	Chia cổ tức	"	1.734,57	1.789,63	103,2
12	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,30	6,50	103,2
13	Tổng số lao động trực tiếp	Người	416,00	416,00	100,0
14	Tổng số lao động quản lý	Người	5,00	6,00	120,0
15	Tổng quỹ lương người lao động	Tr.đồng	33.488,37	33.500,00	100,0
16	Tổng quỹ lương - Thù lao người quản lý	Tr.đồng	1.904,56	2.134,80	112,1
17	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (lương +ăn ca + khác)	Tr.đồng	6,25	6,61	105,7

3. Các giải pháp thực hiện

- Theo kế hoạch sản lượng dịch vụ công ích năm 2018 của UBND Thành phố Phan Thiết và hợp đồng đã ký kết với Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận thì việc thu gom rác thải trên địa bàn Thành phố Phan Thiết trong năm 2018 Công ty vẫn tập kết về Bãi rác Bình Tú và thực hiện xử lý rác theo quy trình chôn lấp rác. Công tác thu gom rác vẫn diễn ra bình thường, việc vận chuyển rác về nhà máy xử lý rác của Thành Phố đến nay chưa được UBND Tỉnh và các Sở Ngành chỉ đạo thực hiện;

- Với sự quyết tâm cao của tập thể người lao động, Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tập trung xây dựng chiến lược phát triển SXKD năm 2018 bằng các giải pháp thiết thực mở rộng và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ công ích bảo đảm đạt doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách theo kế hoạch đã xây dựng, cụ thể:

+ Tổng hợp và phân tích hiệu quả hoạt động SXKD, rà soát tiêu hao nguyên nhiên vật liệu cung cấp vật tư nguyên nhiên vật liệu đầy đủ, kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất, tăng cường công tác quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư, tài sản Công ty để phòng chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.

+ Hoàn thành các quyết toán trên lĩnh vực DVCI và ngoài công ích để có kinh phí tổ chức triển khai tổ chức điều hành thực hiện các hoạt động đảm bảo kế hoạch chi tiêu đã đề ra.

+ Tiếp tục kiến nghị chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền vận động người dân, đặc biệt là các hộ dân sống ven sông, ven biển, đưa nội dung bảo vệ môi trường vào sinh hoạt trong khu phố, thôn xóm, trường học, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trên lĩnh vực vệ sinh môi trường,

+ Đầu tư phương tiện đảm bảo phục vụ hoạt động SXKD, tập trung sửa chữa phương tiện, trang bị kịp thời, đầy đủ công cụ, dụng cụ để phục vụ công tác thu gom và vận chuyển rác.

- Phát động phong trào thi đua thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD trên các lĩnh vực hoạt động công ích và ngoài công ích, đề ra những giải pháp cụ thể để thực hiện. Tích cực mở rộng khai thác các công trình XDCB, củng cố năng lực, tiếp tục khai thác, tìm kiếm, tham gia đấu thầu và khai thác các dịch vụ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị;

+ Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong đội ngũ đảng viên, công nhân viên, người lao động, tăng cường đối thoại trực tiếp với người lao động để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động, chỉ đạo điều hành đạt hiệu quả cao.

+ Củng cố, kiện toàn nhân sự các phòng nghiệp vụ và Đội sản xuất. Kiên quyết xử lý hành vi vi phạm nội quy lao động. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CHIA CỐ TỨC NĂM 2018

Stt	Diễn giải	Dvt	KH Năm 2018	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.532,80	
2	Tổng doanh thu	"	70.819,50	
2.1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	"	70.779,50	
2.2	Doanh thu hoạt động khác	"	40,00	
3	Tổng chi phí	"	67.819,50	
3.1	Chi phí hoạt động kinh doanh	"	67.783,50	
3.2	Chi phí hoạt động khác	"	36,00	

4	Lợi nhuận trước thuế	"	3.000,00
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.391,36
6	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	601,73
6.1	Quỹ Đầu tư phát triển (5%)/P sau thuế	Tr.đồng	119,57
6.2	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	"	430,75
6.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách (2,15%)/P sau thuế	"	51,41
7	Chia cổ tức	"	1.789,63
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	6,50

Lợi nhuận còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế được trích lập các Quỹ và chia cổ tức số tiền 2.391,36 triệu đồng:

- Trích lập các Quỹ 601,73 triệu đồng, trong đó:
 - + Quỹ đầu tư phát triển 119,57 triệu đồng,
 - + Quỹ Khen thưởng, phúc lợi 430,75 triệu đồng;
 - + Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách và không chuyên trách 51,41 triệu đồng.
- Chia cổ tức: Công ty xây dựng KH chi trả cổ tức năm 2018 với mức 6,5%/cổ phiếu/12 tháng tương ứng số tiền 1.789,63 triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD Cty;
- Thư ký HĐQT;
- Lưu VT, TK, (Th).



Số: 03/TTr-HĐQT

Bình Thuận, ngày 19 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc "**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được Bộ Tài chính cho phép kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018 cho Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận**".

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh của các công ty kiểm toán để lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH** *Trần Mạnh*



Trần Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận)*



Bình Thuận, ngày ... tháng ... năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	8
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	8
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	13
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	15
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	15
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	17
Điều 32. Thư ký Công ty.....	17
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	17
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	17
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	18
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	18
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	18
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	18
Điều 37. Kiểm soát viên.....	19
Điều 38. Ban kiểm soát.....	19
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	20
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	20
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	20

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	20
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	21
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	21
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	21
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	21
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	21
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	21
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	22
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	22
Điều 46. Năm tài chính	22
Điều 47. Chế độ kế toán	22
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	22
Điều 48. Báo cáo tài chính năm	22
Điều 49. Báo cáo thường niên	22
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	22
Điều 50. Kiểm toán	22
XVII. CON DẤU	23
Điều 51. Con dấu	23
XVIII. QUẢN LÝ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TY	23
Điều 52. Tiêu chuẩn, quyền hạn và nghĩa vụ người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty	23
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	23
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	23
Điều 54. Giữ hạn hoạt động	23
Điều 55. Thanh lý	23
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	24
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	24
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	24
Điều 57. Điều lệ công ty	24
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	24
Điều 58. Ngày hiệu lực	24

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về Quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng Công ty.

f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **BINH THUAN ENVIRONMENTAL URBAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 578 đường Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

- Điện thoại: 02523.819572 Fax: 02523.819572

- E-mail: moitruongdothibinhthuan@gmail.com

- Website: www.moitruongdothibinhthuan.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là hai (02) người. Bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng Giám đốc).

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động công ích:

+ Trồng, quản lý, chăm sóc, khai thác hệ thống công viên và cây xanh công cộng;

+ Quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống công trình vệ sinh và thoát nước công cộng;

+ Quét dọn, làm vệ sinh các khu vực công cộng, đường phố vỉa hè;

+ Thu gom và xử lý rác thải;

+ Quản lý, khai thác, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông.

- Hoạt động kinh doanh:

+ Cung ứng dịch vụ vệ sinh cho cơ quan, đơn vị, cộng đồng và khu dân cư;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ vệ sinh;

- Khảo sát, thiết kế, xây dựng công viên, vườn hoa, cây xanh;

+ Lập vườn ươm và kinh doanh cây kiểng;

+ Khảo sát, thiết kế, lắp đặt, thi công hệ thống chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông, điện trung-hạ thế;

+ Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và

khu công nghiệp;

+ Trồng rừng và trồng cây công nghiệp các loại;

+ Khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng;

+ Trang trí nội, ngoại thất;

- Dịch vụ mua bán, bảo hành, sửa chữa các loại xe ô tô và phụ tùng;

+ Kinh doanh và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách;

+ Mua bán cổ phiếu, trái phiếu;

+ Kinh doanh động sản, bất động sản;

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế tạo nền tảng phát triển một cách ổn định lâu dài và vững chắc, bảo toàn phát triển vốn, mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 27.532.800.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.753.280 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc (Tổng Giám đốc).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n, khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Từ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ

đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;

f. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
f. Phương án bầu cử (nếu có);

g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.

2. Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Đại diện phần vốn Nhà nước có 03 (ba) thành viên do chủ sở hữu cử tham gia. Trong đó, chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung về phần vốn Nhà nước. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là 02 (hai) thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- k. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 500 triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua và giám sát quá trình các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất

triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành doanh nghiệp;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với

lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ công ty. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm,

bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị. Các chức danh quản lý khác trong công ty phải có ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc).

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31/12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) mới thay thế. Việc bãi nhiệm Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị hoặc cá nhân do chủ sở hữu Nhà nước cử tham gia quản lý Công ty được thực hiện sau khi có ý kiến của chủ sở hữu Nhà nước.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 50% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ

công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trụ trưởng hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho lá công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nếu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các

cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. QUẢN LÝ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TY

Điều 52. Tiêu chuẩn, quyền hạn và nghĩa vụ người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty

A. Tiêu chuẩn:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có đủ năng lực hành vi dân sự.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ đảm đương nhiệm vụ.

4. Hiểu biết Pháp luật, có ý thức chấp hành Pháp luật.

5. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng quản lý về kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu vị trí được uỷ quyền làm Người đại diện.

6. Không là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý, điều hành doanh nghiệp cổ phần vốn góp của Nhà nước và của người có thẩm quyền quyết định việc uỷ nhiệm làm Người đại diện.

7. Người đại diện tham gia vào Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với chức danh đó.

8. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

B. Quyền hạn:

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Chủ sở hữu nhà nước giao.

2. Được Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước xem xét chỉ định tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

3. Được Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước uỷ quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp theo số cổ phần (mức vốn) được uỷ quyền đại diện.

4. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), thù lao, và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

C. Nghĩa vụ:

1. Người đại diện tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty do mình làm Người đại diện; các quy định của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, các quyền, trách nhiệm của mình.

2. Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước, các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

3. Báo cáo kịp thời, đề xuất những giải pháp đối với Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước về tình hình Công ty hoạt động thua lỗ; không đảm bảo khả năng thanh toán; đầu tư không đúng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại

hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc ngay làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- b. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**



Bình Thuận, tháng ... năm 2018

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	2
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG.	3
Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông --	4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội.....	7
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	8
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	8
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu.....	9
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	9
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	9
Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	10
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty.....	10
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	10
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	10
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	10
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT	12
Mục 1. Quy định chung.....	12
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT.....	12
Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT.....	12
Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT.....	12
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT.....	12
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.....	13
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT.....	13
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	13
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	13
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	14
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	14
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT.....	14
Điều 34. Cuộc họp HĐQT.....	14

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	14
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	16
Mục 1. Quy định chung	16
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	16
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	16
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	16
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	17
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	17
Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	17
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên	17
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát	17
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát	18
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát	18
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	18
Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	18
Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	18
Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	18
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	18
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	19
CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	19
Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc	19
Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát	19
Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Giám đốc	19
Điều 55. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	19
Điều 56. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	20
Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc	20
Điều 58. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	20
Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	20
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	21
Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác	21
Điều 61. Khen thưởng	21
Điều 62. Kỷ luật	22
CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	22
CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC	22
Điều 64. Ngày hiệu lực	22

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
5. Ứng cử: là tự đề cử.

6. BKS: là Ban kiểm soát.

7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).

CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 02 Thành viên.

g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

b. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

c. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).

- Các tài liệu kèm theo như sau:

- Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).

- Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).

- Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*);

- Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*).

+ Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);

+ Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).

+ Tài liệu liên quan khác (nếu có).

d. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

f. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

g. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

h. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Văn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

e. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty, phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau

khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có đầy đủ họ tên của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. **Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.**

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- + Gạch tên các ứng cử viên;

- + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức hiệu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thé/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thé/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhận với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều 28 của Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai;
- Kết quả hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có).

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.

2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HQĐT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- Chấm dứt hoạt động theo Điều 52 Điều lệ Công ty;
- Gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ Công ty.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của công đồng là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của công đồng;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của công đồng là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của công đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số công đồng với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách công đồng tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các công đồng trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến công đồng bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng công đồng.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng công đồng thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng công đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến công đồng bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng công đồng trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 3: HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Đại diện phần vốn Nhà nước có 03 (ba) thành viên do chủ sở hữu cử tham gia. Trong đó, chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung về phần vốn Nhà nước. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là 02 (hai) thành viên.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;

6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.

3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này, phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử; số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3. Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 34. Cuộc họp HĐQT

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;

- Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;

- Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):

a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

+ Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

+ Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

f. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

g. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4: BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên hầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 50% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên..

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Ban Giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có năng lực quản lý, kinh doanh thuộc các ngành nghề Kinh tế, Kỹ thuật, am hiểu ngành nghề hoạt động của Công ty; có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý, hiểu biết Pháp luật;

c. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp được Hội đồng quản trị cử làm đại diện phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

d. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

e. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Việc bổ nhiệm Giám đốc:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc; và quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

a. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty. Thay mặt HĐQT, Chủ tịch sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác.

HQĐT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng người điều hành doanh nghiệp

1. Trường hợp miễn nhiệm:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
- b. Có đơn xin nghỉ việc;
- c. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
- b. Có đơn xin nghỉ việc;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- d. Không chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.

3. Việc miễn nhiệm người điều hành do chủ sở hữu Nhà nước cử tham gia quản lý Công ty được thực hiện sau khi có ý kiến của chủ sở hữu Nhà nước.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6: QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Chủ tịch HĐQT và HĐQT được quyền sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ cho hoạt động và công việc của HĐQT. Giám đốc phải có trách nhiệm đảm bảo chuẩn bị nhân sự và thiết bị cho HĐQT khi có yêu cầu.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 55. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 56. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- 1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 2. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (nếu có);
- 4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động (Nếu có);
- 5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
- 6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.

Điều 58. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

- 1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Các Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phải được Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
 - c. Trình HĐQT thông qua Quy chế phối hợp giữa chính quyền và Công đoàn;
 - d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật (Nếu có).
 - e. Giám đốc và các bộ phận liên quan hàng tháng, hàng quý, hàng năm phải báo cáo đầy đủ tình hình hoạt động của Công ty trên các mặt hoạt động cho HĐQT, BKS theo quy định của HĐQT.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- 2. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

- 1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải báo cáo thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật (Nếu có);
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị khác đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải báo cáo thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c. Các Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phải được Giám đốc trình để HĐQT thông qua;

d. Trình HĐQT thông qua Quy chế phối hợp giữa chính quyền và Công đoàn;

e. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật (nếu có);

f. Các nội dung kiến nghị khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, GD và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 61. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 60 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình

thư khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Đối với đối tượng là người điều hành khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 62. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tinh chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8: SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 64 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy định tại Khoản 3 Điều 27 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.

3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của ít nhất 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Mạnh

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN
NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận ngày 30/6/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

2. Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.



3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2017.

6. Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2018.

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

8. Thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi.

9. Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: cổ phần chiếm ... % cổ phần có quyền biểu quyết.

Với tỷ lệ ... % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đã đồng ý nội dung dự thảo Quy chế quản trị Công ty sửa đổi. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận thống nhất thông qua nội dung dự thảo Quy chế quản trị Công ty sửa đổi.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Đại hội giao cho Hội đồng quản trị và cổ đông Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBCKNN;
- Website Công ty;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Mạnh

